

PHẨM: THĂM BỆNH

(Phần 1)

Phẩm này đến tiếp sau phẩm Bồ-tát. Trước Phật đã sai các đệ tử Bồ-tát ai nấy đều từ chối không kham. Nay tiếp sai ngài Văn-thù. Ngài Văn-thù tuân lời nên gọi là phẩm Văn-thù-sư-lợi thăm bệnh. Trước nói ngài Tịnh Danh giả bệnh để hưng giáo. Đại lược có hai phần: hai phẩm rưỡi trước là nói pháp ở ngoài thất, còn sáu phẩm này là nói pháp ở trong thất. Ở ngoài thất chẻ trách chiết phục phần nhiều dùng để đối trị. Còn trong thất tiếp dẫn nhiếp thọ phần nhiều dùng vì người, đều khiến cho vào Đệ nhất nghĩa. Nên kinh Thắng-man nói: Chỗ chiết phục nhiếp thọ là khiến chánh pháp được lâu bền. Được lâu bền tức là nhập vào Đệ nhất nghĩa vô lậu chân pháp dứt hẳn lui sụt. Đã chiết phục xong liền nói nhiếp thọ, nên tiếp có phẩm này. Nay lược dùng năm nghĩa để giải thích phẩm này và năm phẩm tiếp sau:

1. Lý do có phẩm này.
2. Văn-thù kham thăm bệnh.
3. Giải thích hai bệnh quyền thật.
4. Nhân bệnh mà nói sáu phẩm.
5. Giải thích văn kinh.

Lý do có tiếp phẩm này: Ngài Tịnh Danh trụ ở quyền mưu Bất tư nghị, giúp Phật hiển bày chân tánh giải thoát bất tư nghị, giúp thành tựu giáo nhân quả Phật quốc. Trước đã dùng bốn giáo để chiết phục phàm phu Nhị thừa và các Bồ-tát thiên lệch, nay khen quả ba giải thoát của Viên giáo, để tiếp dẫn nhiếp thọ, khiến họ tu nhân ba quán, nhập vào Giải thoát bất tư nghị, được thấy cõi nước thanh tịnh, tùy nghiệp vãng sinh, thành tựu hạnh Tịnh độ, cho nên có phẩm này và năm phẩm sau. Đây lại có năm:

- a) Khởi tâm khát ngưỡng cho thời chúng.
- b) Làm ba quán nhiếp thọ dẫn nhập.
- c) Giúp thành giáo Tịnh độ.
- d) Vì vào dòng Đại phẩm Pháp Hoa.
- e) Lại về chỗ Phật kết định.

Khởi tâm khát ngưỡng, tuy các vua quan sĩ thứ đệ tử Bồ-tát khen kể lại thắng trí thắng đức của Đại sĩ, nhưng đại chúng chỉ luống khát ngưỡng mà thôi, vì chưa được thấy nghe, nếu được người thăm bệnh tùy việc khơi mở thì liền được thấy nghe thần trí của Đại sĩ giả bệnh hưng giáo để lợi ích chúng sinh, nên vâng lệnh ứng hợp tâm của thời chúng

khiến họ thấy được sự biểu thị về giả bệnh, nhà trống nghe nói hai bệnh quyền thật bất tư nghị.

Làm ba quán để nhiếp thọ dẫn nhập, ở ngoài thất chê trách các người học giáo thiên lệch, chưa nhập chánh vị và các phàm phu, tuy đã tâm phục ngưỡng mộ chánh đạo, nhưng chưa biết cách thức tu nhập. Nếu ngài Văn-thù vào thất hỏi Bồ-tát có bệnh làm sao điều phục tâm mình, thì ngài Tịnh Danh sẽ rộng hẹp trình bày ba quán điều phục, tức là nghĩa nhiếp thọ dẫn nhập vậy.

Giúp thành giáo tịnh độ, nếu nhân ngài Văn-thù thăm bệnh mà hay tu ba quán, tùy các chứng dứt được nhiều ít mà mỗi người được sinh Tịnh độ, có bao nhiêu nguyện hạnh đều thành tựu hạnh Tịnh độ.

Vào dòng Đại phẩm Pháp Hoa, nếu người đã vào chánh vị, trước tuy có nghe Đại thừa, nhưng chưa chuyển thành lạc, thì nay nhân ngài Văn-thù vào thất, lại được nghe nói thêm sáu phẩm, liền chuyển thành sinh tô. Nên ngài Ca-diếp có nói: Nay các Thanh văn đều gào khóc là việc này vậy. Nếu đến Đại phẩm mà được thực tô thì đến thời Pháp Hoa Niết-bàn liền thành đề hồ. Các Bồ-tát độn căn của Tam tạng giáo thứ lớp hưởng qua các mùi vị, phần lớn đồng với hàng Nhị thừa, còn các vị lợi căn thì bất định, như đã giải thích ở phẩm Bồ-tát.

Lại về chỗ Phật kết định, nếu không nhân ngài Văn-thù thăm bệnh vào thất biện luận qua lại suốt sáu phẩm, thì đâu được tay nâng đại chúng đem về Am-la viên, được Phật ấn định các điều nói trước sau để khởi phát việc A-nan được Phật nói rộng Tịnh độ, tiếp dẫn người cõi Diêu hỷ vào cõi nước này, khiến đại chúng đều được thấy nghe mà phát nguyện vãng sinh tu hành bất động. Ấy là tóm tắt những điều diễn bày của ngài Tịnh Danh ở ngoài thất và trong thất, đều nhằm giúp Phật thành tựu giáo nhân quả cõi Phật thanh tịnh và pháp thân giải thoát bất tư nghị.

Nói ngài Văn-thù có thể làm người thăm bệnh. Trên sai năm trăm vị và các Bồ-tát, ai nấy đều kể việc bị chê trách mà từ chối không kham. Nay ngài Văn-thù riêng kham lãnh ý chỉ Phật, tóm tắt có năm ý:

- a) Vị cao.
- b) Thù tích.
- c) Hiện bày viên.
- d) Thỏa tình chúng.
- e) Tùy căn cơ người.

Vị cao: Ngài Văn-thù cùng các Bồ-tát tuy cùng ở vị Đẳng giác, nhưng đều có cao thấp. Nên kinh Anh Lạc có nói: Trụ ở vị Đẳng giác

vào trùng huyền môn, trái vô lượng kiếp, sửa tu việc phàm.” Ngài Văn-thù tu hành đã lâu, trí đức cao tột, có ngôi vị ngang hàng với ngài Tịnh Danh, nên kham làm người thăm bệnh. Đây cũng là một loại.

Thùy tích: các Bồ-tát phần nhiều là thật vị bồ xứ, nhưng ngài Văn-thù bốn địa là long chủng Như Lai, nay hiện tích là bồ xứ, cùng với ngài Tịnh Danh có nghĩa bốn tích ngang nhau nên kham làm người thăm bệnh, cũng một loại mà nói.

Hiện bày Bồ-tát: Viên giáo với bốn tích đầu thể lượng định, chỉ vì các Bồ-tát hiện bày nhiều phương tiện, nên đều bị chê trách. Ngài Văn-thù hiện hoằng truyền Viên giáo cùng ngài Tịnh Danh đồng việc, nên kham làm người thăm bệnh.

Hỏi: Nếu thế sao bị Ưng-quật chiết phục?

Đáp: Văn-thù đồng việc từ nhiều, còn Ưng-quật từ ít, và Văn-thù chưa bị ngài Tịnh Danh chê trách nay lãnh chỉ Phật thì không hại gì?

Thỏa vật tình.

Hỏi: Các Bồ-tát đồng giúp Phật sao được có và không thỏa mãn tình người?

Đáp: Ngài Di-lặc tuy là bồ xứ, nhưng hầu Phật bên hữu, là các Bồ-tát làm việc ngoại đạo. Còn ngài Văn-thù tuy đồng vị bồ xứ, nhưng đứng hầu bên tả, cũng như các đại thần bên tả thì tự do quyết đoán, nên thỏa mãn vật tình.

Tùy cơ mọi người. Các Bồ-tát cùng ngài Tịnh Danh, như chày cối thành vật. Nay ngài Văn-thù cùng ngài Tịnh Danh như hai chày mà thành vật, cho nên vào thất đối đáp qua lại mà không trệ ngại, vui lòng mọi người, được ngài Tịnh Danh khen ngợi, đầu giống như các Bồ-tát khác nói ra thì bị chê trách. Do các nghĩa đó mà kham làm người thăm bệnh.

Giải thích về bệnh quyền thật. Nghĩa bệnh do nhiều nguyên do nhưng ý chánh không ngoài quyền thật. Quyền là chư Phật pháp thân Bồ-tát không bệnh mà thị hiện có bệnh. Thật là chín đạo chúng sinh thật có nhân quả bệnh hoạn. Nếu từ năng hóa mà ứng hiện trước quyền sau thật, thì kinh văn nói “ là bệnh có thể chịu được chăng?” Lại nói: Bồ-tát có bệnh, làm sao điều phục tâm ấy. Nếu từ sở hóa thì trước thật sau quyền, nên ngài Tịnh Danh nói: “Vì chúng sinh bệnh nên tôi có bệnh.” Nay dựa theo sở hóa làm thứ lớp, nên trước nói bệnh thật. Tóm dùng bốn nghĩa để phân biệt:

a) Luận về tướng nhân quả của bệnh.

b) Giải thích.

c) Chung riêng.

d) Xét theo độ có nặng nhẹ.

Về tướng bệnh. Bệnh về chướng ngại sắc tâm nên gọi là tật, cũng gọi là bệnh, cũng gọi là hoạn. Nói về nhân bệnh, tức là trong nhân có bốn phần chướng ngại về tâm thần gây ra các não loạn, tức là tâm bệnh. Phiền não làm nhân nên nói là nhân. Về quả bệnh, là cảm thân bốn đại, đồng một hộp mà tánh khác, cùng khởi lên thêm bớt trở ngại sắc thân, tức là thân bệnh, đáp lại nhân phiền não nên nói là quả bệnh.

Giải thích bốn phần trong nhân hoàn toàn phân biệt ba độc đối với ba bệnh lớn, ba chỗ cùng khởi nên gọi là đẳng phần. Thân là bệnh địa đại đối tham dục như nước. Kinh nói sông ái nổi trôi chìm chết chúng sinh, bị vô minh làm mê mờ không thoát ra được. Ái thấm đắm nghiệp như nước thấm đắm thân sân khuể là lửa, tâm sân một khi khởi lên thiêu đốt tất cả thiện căn. Ngu si là gió, vì ngu si có bốn điên đảo. Cho nên kinh nói: Gió dữ điên đảo đè bẹp núi gò đất đủ ba phần, như nước lửa gió đều tụ tập ở một thân, nên do cơ đối trên mà dùng bốn phần làm bốn nhân bệnh. Kể phàm phu ngu hèn có bốn phần này ắt có tám vạn bốn ngàn thứ, tùy duyên phát động não hại tâm thần, nên nói là nhân bệnh. Về quả bệnh tức là bốn phần cảm thân bốn đại, một đại không điều hòa thì một trăm lẻ một bệnh khởi động, bốn đại không điều hòa thì có bốn trăm lẻ bốn bệnh. Bệnh quấy não không phải một. Lại nữa do bốn phần này cảm thành Báo thân, tức có sinh, lão, bệnh, tử. Đây cũng là bệnh lớn của chúng sinh. Ở đoạn văn sau có nói: Có sinh tử tức có bệnh. Bệnh này cũng nhân ở bốn phần sinh ra. Như kinh Thụy Ứng có nói: Tham dục gây già, sân giận gây bệnh, ngu si gây chết. Suy nghĩ ra có thể nói là đẳng phần gây sinh. Có bốn đại thì có khổ bốn bệnh, tức là quả bệnh vậy. Nhưng kinh luận tùy duyên, có lúc ví cho tham dục, nước ví cho sân giận, gió cũng không nhất định. Nay chỉ căn cứ theo phần đồng đối ví như trước. Nếu thông suốt đâu cần phải ví dụ.

Nói về chung riêng, nhân quả hai bệnh đều có chung riêng. Về nhân bệnh, bốn phần là chung cả mười ác, còn bốn trọng tội là riêng. Về quả bệnh, thì bốn đại bốn khổ là chung. Còn bốn đại tăng giảm hoặc sinh lão... bốn khổ thêm nhiều, cho đến tam đồ khổ nặng, đều là quả tội của bệnh riêng. Do nhân chung riêng nên quả cũng có chung riêng. Như ở nhân chỉ chung thì quả lúc đó cũng chung, nếu chung mạnh riêng yếu hay chung yếu riêng mạnh thì quả lúc đó cũng thế. Nhân quả giúp thành cho nhau nghiệm ra không sai.

Xét về cõi nặng nhẹ, tức bốn cõi không đồng.

Xét về cõi đồng cư, thì bốn phần là nhân bệnh, phần đoạn là quả bệnh. Đây có hai thứ là uế và tịnh, uế thì nặng, tịnh thì nhẹ. Vì sao? Vì Đồng cư cõi uế thì có đủ năm đạo. Quả bệnh Thiên đạo chỉ có chung mà không riêng, vì nhân bệnh bất định. Như người, súc và quỷ thì nhân quả chung riêng nhiều ít tùy nghĩa. Quả bệnh địa ngục thì chỉ riêng mà không chung, vì nhân cũng bất định. Như Đồng cư tịnh, thì chỉ chung mà không riêng. Vì sao? Vì tuy có bốn phần mà không có thập ác... bốn thứ và bốn khổ nặng, nên bệnh nhân quả chỉ có chung và nhẹ.

Nói về cõi Hữu dư, tức là bệnh của ngoại giới, là ba thừa Thánh nhân mê để nhất thật, đắm trước vào lý thiên không, khởi bốn phần vô vi mà cảm quả biến dịch, cũng gọi là phương tiện sinh tử. Còn Biệt, Viên đoạn hết hoặc nội giới nhưng chưa thấy Trung và chưa đoạn hết vô minh, thì đều sinh vào cõi này, bệnh hoạn nhân quả đồng với hàng Nhị thừa. Bệnh hoạn này tức là bệnh nhân quả. Chỉ có chung riêng của Biệt giáo, không có chung riêng của Thông giáo.

Hỏi: Cõi Hữu dư sao được còn bệnh nhân bốn phần?

Đáp: Phần vô vi duyên tập là bốn phần vậy. Vì sao? Vì chấp thiên chân là tham, bỏ tục hữu là sân, mê nhất thật là si, ba phần đầu chấp lấy tức là đẳng phần. Đây tức là nhân bệnh của kiến tư biệt hoặc.

Hỏi: Cõi Hữu dư đã có bệnh nhân bốn phần, cũng được có quả bệnh của bốn đại bốn khổ nữa chăng?

Đáp: Cũng có tướng chung bốn khổ của bốn đại biến dịch.

Hỏi: Chư Thiên ở cõi trên còn không có già bệnh thì tịnh độ này sao lại có?

Đáp: Không riêng mà chỉ có chung. Văn trên có nói: Cũng sinh cũng già biến dịch, nếu bốn đại không có tướng trái nhau thì không có biến dịch. Tuy có bệnh chung bốn phần biến dịch ngoại giới nhưng đều nhẹ, đâu thể giống phần nặng của phần đoạn.

- Xét theo cõi quả báo, bậc Sơ địa và sơ trụ của Biệt, Viên thấy Đế nhất thật đồng đoạn hết vô vi nhưng tự thể chưa hết, nên dựa vào vô minh mà được có bốn phần, tức là nhân bệnh. Cảm quả biến dịch tức là quả bệnh, cũng gọi là nhân duyên sinh tử. Vì bệnh hoạn nhẹ nên với tự thể không thành bệnh thật, chỉ là tên chung biến dịch. Nếu trước phương tiện biến dịch có tướng thô thì bệnh hoạn cũng thô. Nếu luận bệnh hoạn của tự thể là nhẹ nhỏ thì cõi Hữu dư là nặng cõi quả báo là nhẹ, cho đến không có sau mới chuyển dần thành nhẹ nhỏ, tuy là nhẹ nhỏ nhưng đồng là bệnh thật, nên mới từ nhân Xiển-đề mà có quả địa ngục A-tỳ. Cho đến Kim cang Đẳng giác nguyên phẩm vô minh, tuy

nặng nhẹ có khác nhưng đều là bệnh thật.

Hỏi: Thật báo sao còn được có bệnh nhân bốn phần?

Đáp: Mở duyên tập tự thể coi là bốn phần. Vì sao? Vì lấy nhất thật là tham, bỏ hai biên là sân, các vô minh khác là si, ba phần đều lấy, tức là đẳng phần. Đó là ba độc căn bản. Nên thỉnh Quan Âm có nói: “Tịnh được gốc ba độc, thành Phật đạo không nghi”.

Hỏi: Thật báo nếu có nhân bệnh bốn phần thì cũng có quả bệnh bốn đại bốn khổ chăng?

Đáp: Đã có tự thể sinh tử đâu không có tự thể bốn đại. Nên Đại phẩm có nói: Tất cả địa hưởng đến cho đến thú, không hưởng đến ba Đại cũng như thế. Nếu tự thể bốn đại bốn khổ đã hết thì tức là thường an trú trong diệu sắc rỗng sáng như Đại kinh nói, không bị sinh tử biến đổi. Nếu các sư cho rằng vị Pháp vân Đẳng giác không còn sinh tử, thì giáo ấy như thế nào? Lại vẫn nói: “Từ si mà có ái thì bệnh ta sinh.” Nếu Kim cương Đẳng giác mà vô minh chưa hết thì bệnh vi tế nhân quả sinh ra.

- Xét theo cõi Tịnh quang, giải thích có hai cách: Nếu cõi Tịnh quang chỉ có bậc Diệu giác ở thì bệnh hoạn nhân quả tự thể đều dứt hẳn không có bệnh nào để luận. Nếu chung cho hạ địa Bồ-tát ở thì ắt phải có bệnh nhân quả vi tế. Đây là chấp hay không có sinh tử sau đó. Nếu y vào pháp vân ba đời của kinh Nhân Vương thì không có hữu hậu chung sinh và hữu hậu trụ sinh. Pháp vân mới sinh cho đến Hoan hỷ đều thuộc nhân duyên sinh tử. Đây là cách của Biệt giáo. Còn nếu dựa theo nghĩa Viên giáo mà suy, thì không có hữu hậu tức là Đẳng giác, nếu có hữu hậu hoặc từ vị Pháp vân đến ba mươi tâm thì đều là nhân duyên nặng nhẹ xoay vần. Tuy giải thích như thế nhưng chưa nhất định. Chỉ dựa vào Giải thích trước. Cõi Tịnh quang là rốt ráo thanh tịnh há lại có tướng bệnh nhân quả vi tế, đối đãi nhau mà phán quyết là nặng hay nhẹ ư?

Hỏi: Học theo ngài Long Thọ sao lại dùng nghĩa của ngài Thiên Thân?

Đáp: Đây là hai Đại sĩ đâu không cùng dùng pháp môn Bất nhị. Nay là giáo chung của Phật pháp tùy chỗ liên quan mà sử dụng, sao cần phải chấp chặt. Nếu muốn phân biệt danh nghĩa các kết hoặc sinh tử nội giới và các hành thì nên xét kỹ theo ngài Thiên Thân, còn nếu quán môn để thanh đặng an tâm nhập đạo thì không ai qua ngài Long Thọ. Chỉ kinh này nói rõ về nghĩa bệnh mà chưa thấy các kinh khác nói. Nếu không chấp địa nhiếp tương để đối nhau thì người khác sẽ cho là phi nghĩa lý, rồi theo nhiều thuyết mà cưỡng nói.

Tiếp nói về bệnh quyền, Bồ-tát trụ vào Đại Niết-bàn có năm

hạnh. Cho rằng nếu được Tam đế Tam-muội thì có đủ hai mươi lăm Tam-muội, tức thành Thánh hạnh. Từ Thánh hạnh mà sinh Thiên hạnh và Phạm hạnh. Từ Phạm hạnh mà khởi Anh nhi bệnh hạnh. Anh nhi hạnh khởi từ đại Từ thiện căn, Bệnh Hạnh khởi từ đại bi thiện căn. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ-tát thanh tịnh pháp thân, các ác đoạn dứt, các thiện khắp hội, đâu còn phương tiện thiện căn nhỏ để làm, đâu còn bệnh nhân quả nội ngoại giới nào để trị. Chỉ vì đại bi thiện căn mà muốn cứu dứt các bệnh hoạn nhân quả nội ngoại giới. Cho nên hiện thân khắp các pháp giới, không bệnh thị hiện có bệnh, tức là bệnh hạnh. Lại thị hiện phương tiện thiện căn ít để trừ dẹp chúng sinh duyên tập nội ngoại giới, tức là Anh nhi hạnh. Nếu bệnh nhân quả này lành thì chư Phật, Bồ-tát bỏ ứng mà về chân. Chỉ vì chúng sinh bệnh, nên có việc hưng phế nặng nhẹ, Bồ-tát lại đồng với hưng phế nặng nhẹ, nên vẫn nói Bồ-tát bệnh là từ đại bi mà khởi, vì chúng sinh bệnh nên Bồ-tát cũng bệnh. Nếu chúng sinh không bệnh thì Bồ-tát cũng không còn bệnh. Nay ngài Tịnh Danh mượn phương tượng trống này trong thất chỉ đặt một cái giường vì bệnh mà nằm, đó là Không bệnh mà hiện bệnh, xa là biểu hiện ở các cõi cũng có bệnh quyền vậy. Nhưng về bệnh thật nặng nhẹ thì như trên đã phân biệt. Nay nói về bệnh quyền cũng xét theo bốn cõi:

- Ở Đồng cư uế tịnh mà hiện bệnh quyền, uế tịnh đã có bệnh thật nhân quả ở mười giới, vì có bệnh đó, nên có bệnh quyền nhân quả ở mười giới, nếu bệnh nội giới lành thì ngài Tịnh Danh cũng lành.

Hỏi: Sáu đạo nhân quả có bệnh, có thể biết được, còn bốn thứ hành nhân thì nội giới nhân quả tướng nó như thế nào?

Đáp: Đây là ước bệnh hoạn nội giới nhân quả chưa hết. Nếu ở Tịnh độ đồng cư thì chỉ có bốn thứ hành nhân ở trời, người và sáu thứ bệnh thật nhân quả pháp giới, vì có bệnh ấy nên ngài Tịnh Danh cũng có sáu thứ bệnh quyền nhân quả. Nếu các bệnh này lành, thì ngài Tịnh Danh cũng lành.

- Ở cõi Hữu dư, thì Nhị thừa và ba thứ Bồ-tát đều có bệnh thật nhân quả biến dịch vô vi. Vì có bệnh này, nên ngài Tịnh Danh cũng có, nếu bệnh này lành thì ngài Tịnh Danh cũng lành.

- Nói về cõi quả báo hiện bệnh quyền. Chỉ có bốn mươi tâm của Viên giáo và Đẳng giác địa thọ thân pháp tánh mỗi người đều có bệnh thật nhân tự thể và bệnh thật quả về nhân duyên sinh tử hữu hậu và không hữu hậu. Vì có bệnh này nên ngài Tịnh Danh cũng có. Nếu những bệnh thật này lành thì ngài Tịnh Danh cũng lành.

- Cõi Tịch quang thì có bệnh và không bệnh trước đã phân biệt,

ngài Tịnh Danh cũng khởi đại bi tạt hạnh, quyền đồng với bốn cõi, không bệnh hiện bệnh để đảm trách mười giới nên gọi là bệnh quyền.

Hỏi: Ngài Tịnh Danh đã là bậc Đẳng giác, nguyên phẩm vô minh không có hữu hậu sinh tử, thì quả bệnh thật nhân hay còn, đâu được ước với cõi thật báo mà nói là bệnh quyền?

Đáp: Bốn tích cao thấp nghĩa khó lường, đã ở Huyền Văn sao lại đem hỏi. Nhưng nghĩa bệnh quyền đem ước ngôi vị, thì nghĩa không đồng. Nếu bậc Diệu giác tột cao thì không có bệnh pháp giới mà hiện có bệnh pháp giới thì như ngài Tịnh Danh có bệnh quyền. Bậc Đẳng giác còn có nguyên phẩm vô minh thì không có quả bệnh thật nhân của hữu hậu sinh tử. Từ hiện có bệnh nhân quả hữu hậu cho đến phần đoạn thì đều là quyền cả. Như đây mà suy nếu ngang vị là bệnh thật, đồng với vị sau là bệnh quyền. Cho đến ở cõi Hữu dư, Đồng cư mà hiện có bệnh nhân quả, thì đều là quyền cả. Nếu ở cõi Hữu dư, hàng Nhị thừa và ba thứ Bồ-tát đồng ngôi vị mà có bệnh thật nhân vô vi và bệnh thật quả phương tiện. Dùng thần thông thế nguyện vào cõi Đồng cư tịnh, đồng có sáu bệnh nhân quả vào cõi Đồng cư uế, đồng có bệnh nhân quả mười giới thì đều là bệnh quyền. Nếu ở cõi Đồng cư, bốn thứ hành nhân đoạn hoặc nội giới chưa hết, hoặc đã đoạn hết mà thân ở cõi Đồng cư là Không bệnh hiện có bệnh, để lợi ích chúng sinh thì đều là bệnh quyền. Cho đến tiên nhân có năm thông và các Thiên báo được thần thông, thì tùy chung việc ra làm Không bệnh hiện có bệnh, thì cũng là bệnh quyền. Nếu ước quán tâm, người khéo tu quán, hoặc tự hành hoặc hóa tha, không có bệnh nhân quả mà hiện có bệnh nhân quả, còn gọi là bệnh quyền, cho đến tất cả chúng sinh đều có nghĩa này. Như thế thì tất cả bệnh hướng đến cho đến thú hay không hướng đến, như đây mà nói bệnh, thì dọc là tận cùng nguồn cội thật tế, ngang là rộng khắp hư không pháp giới, nghĩa lý sâu kín. Nếu không phải bậc Diệu giác chứng trí Viên minh thì còn ai có thể thấu suốt vô ngại. Ngay ngài Tịnh Danh hiện có bệnh là biểu thị ý này, cho nên hàng Thanh văn Bồ-tát đều không kham không dám truyền ý Phật. Chỉ có ngài Văn-thù hiểu rõ nghĩa bệnh nên tuân lời Phật mà hỏi đáp qua lại về quyền thật không trệ ngại.

Nói về nhân bệnh nêu ra sáu phẩm. Ngài Tịnh Danh giả bệnh cốt ý hưng giáo. Nhân Văn-thù hỏi bệnh quyền thật mà ngài đáp về bệnh quyền ở nửa đầu phẩm này và đáp về bệnh thật ở nửa sau phẩm này. Lại nhân bệnh quyền mà nói phẩm Bát Tư nghị, nhân bệnh thật mà nói phẩm Quán Chúng Sinh, phẩm Phật Đạo, phẩm nhật Bát Nhị Pháp Môn

và phẩm Hương Tích. Thế nên sáu phẩm ở trong thất đều từ một chữ bệnh quyền thật mà có. Khi giải thích vẫn nên phù hợp như thế.

Hỏi: Có sự nói phẩm này là năm nguồn tám cội, đây là sao?

Đáp: Có giống như thế nhưng đậm nhạt không có chủ đối. Vì sao? Vì ngài Tịnh Danh vốn giả bệnh để hưng giáo, chỉ dựa vào một chữ bệnh mà nói sáu phẩm ở trong thất, đâu phải đợi nhà trống làm năm nguồn cội. Nay nói một bộ kinh gồm mười bốn phẩm, chỉ có phẩm Phật Quốc đầu chính là Đại Thánh pháp vương tự nói, còn mười ba phẩm kia đều nhân ngài Tịnh Danh giả bệnh mà hưng truyền. Xét kỹ một chữ bệnh mà là ba nguyên do, sáu nguồn cội, hai đầu mối, hai nguyên nhân. Ba nguyên do là do ngài Tịnh Danh giả bệnh nên có các vua quan thứ dân đến tham vấn, Phật sai đệ tử Bồ-tát đến thăm bệnh, tức do bệnh mà có ba phẩm ở ngoài thất.

Sáu nguồn cội là vì hiện có bệnh nên ngài Văn-thù vâng lệnh Phật vào thất hỏi về hai bệnh quyền thật và ngài Tịnh Danh đã rộng hẹp giải đáp, ấy là sáu phẩm trong thất từ bệnh mà có. Bệnh tức là nguồn gốc có sáu phẩm.

Hai đầu mối: Tức là hai phẩm Bồ-tát Hạnh và Kiến A-bệ Phật cũng nhân ngài Tịnh Danh giả bệnh mà có. Vì sao? Nghe nói sáu phẩm có duyên lành bệnh thì ngài Tịnh Danh cũng không còn bệnh, nên bàn tay nâng đại chúng đưa về Am-la viên, mở đầu cho việc trở về điểm chính của Như Lai để nói về nhân quả Phật quốc, hai phẩm từ bệnh lành mà có nên nói là hai đầu mối.

Hai nguyên nhân, là hai phẩm Cúng Dường và Chúc Lụy cũng nhân giả bệnh mà có. Vì sao? Vì hai phẩm này là phần Lưu thông cũng nhân ngài Tịnh Danh giả bệnh mà có chánh thuyết. Lưu thông tức là lưu thông phần chánh thuyết, ấy là nhân bệnh mà có hai phẩm lưu thông nên nói là hai nguyên nhân.

Nay nói sáu phẩm trong thất có ba phần lớn. Một phẩm này tức lược nói hai bệnh quyền thật, kế nói phẩm Bất Tư nghị là rộng giải thích về bệnh quyền, bốn phẩm sau là nói rộng về bệnh thật.

Chánh giải thích văn: “lúc bấy giờ Phật...”. Có hai phần: Phật sai ngài Văn-thù. Ngài Văn-thù vâng lời.

* Phật sai Văn-thù. Ở trên, các người được Phật sai đi đều kể việc bị chê trách mà từ chối không kham, nhưng việc vào thất thăm bệnh có lợi ích rất quan trọng, nếu không phải ngài Văn-thù có đủ năm nghĩa trước, thì không ai kham được nên sai ngài đi.

* Văn-thù vâng lời “Văn-thù...”. Ngài Văn-thù không có lỗi bị chê

trách nên không thể từ chối. Lại năm lợi ích là việc hệ trọng, đâu thể trái lệnh Phật mà bỏ lợi lớn, thế nên vâng lời. Văn có năm:

- 1/ Vâng lời đi thăm bệnh.
 - 2/ Đại chúng cùng đến.
 - 3/ Chủ khách hỏi đáp qua lại.
 - 4/ Chánh nói ý chỉ.
 - 5/ Thời chúng được lợi ích.
- Phần một có hai:
- a) Trước tự khiêm nhường.
 - b) Chánh vâng lời.

Phần (a) lại có hai: Một là Tự khiêm. Hai là, Nói việc khiêm nhường khó vấn nạn. Tự khiêm là lẽ thường của người tu mà nói vấn nạn là để đối đáp, vì bậc Thượng nhân trí sâu đức trọng đối đáp không phải dễ.

Từ “thâm đạt trở xuống là nói vấn nạn khó. Văn có bốn: Một là, Trí sâu rộng. Hai, Nhân quả đức đầy. Ba, Hóa tha công lớn. Bốn, Kết hai trí rất ráo.

Vì đủ bốn thứ này nên có thể khiêm nhường vấn nạn.

Nói hai trí sâu rộng: Nói thấu suốt thật tướng, tức là thật trí sâu rộng. Nếu Bồ-tát của Tam tạng giáo vốn không nhập thật thì đâu thể xét cạn sâu. Bồ-tát của Thông giáo có thật tướng Thiên chân thì chưa đủ sức để vấn nạn thật trí của Đại sĩ. Còn bậc Đăng địa của Biệt giáo cho đến Đăng giác, chỉ phá mười một phẩm vô minh, chưa thành thấu suốt, hướng chi bậc có giáo không người đâu đủ sức vấn nạn. Nay bậc Sơ trụ của Viên giáo cho đến Đăng giác, chỉ phá bốn mươi một phẩm vô minh, sắp cùng tận nguồn cội, trí gần bậc Diệu giác, nên nói là thấu suốt.

Khéo nói pháp yếu, tức là biết không sinh. Không sinh thì bất khả thuyết, dùng bốn Tất-đàn mà phó cơ nói pháp thật tướng. Nếu dùng quyền trí mà nói dù nhiều nhưng lợi ích không bao nhiêu, nên không phải là thiết yếu. Nay dùng thật trí nói tướng nhất thật thì lợi ích rất sâu rộng, nên nói là pháp yếu. Như kinh Pháp Hoa nói dù thí nhiều vàng bạc châu báu, nhưng không bằng mở búi tóc. Đây có bốn trường hợp:

1. Nói ít gồm ít.
2. Nói nhiều gồm ít. Đây không phải là pháp yếu.
3. Nói ít gồm nhiều.
4. Nói nhiều gồm nhiều. Đây là pháp yếu.

Biện tài không trệ ngại, là nói về quyền trí không trệ ngại, nên có

thể kính hỏi. Đây là sinh sinh, chẳng sinh sinh, sinh chẳng sinh bất khả thuyết là luận việc phó duyên ba thứ không trệ ngại.

Trí tuệ vô ngại, tức là lý ba giáo sở thuyết. Biết bệnh biết thuốc tùy bệnh cho thuốc, phương tiện tri kiến Ba-la-mật đều đầy đủ, nên nói là trí tuệ vô ngại.

Nói về đức nhân quả đầy đủ “tất cả... được nhập”, nên có thể kính hỏi.

Tất cả pháp thức của Bồ-tát, tức là pháp thức quyền thật tự hành giáo tha không phải chỉ đều biết mà cũng hay thành tựu. Nhân đức này đầy đủ nên có thể kính hỏi.

Bí tạng của chư Phật đều được nhập vào, là hai quyền một thật đều có đương giáo nói về bí tạng. Đem Thật so với quyền. Quyền là tùy người khác, không phải là chân bí tạng. Còn thật là tùy ở mình, thâm nhận yếu này không cần nói nhiều đó là chân bí tạng. Tất cả pháp môn mỗi mỗi đều là kho báu đó là nghĩa của tạng. Nên kinh Pháp Hoa nói: Tất cả các kho báu đều được tràn đầy. Đức quả sắp trọn nên nói là đều được nhập vào tức là quả thành đức sâu, nên có thể kính hỏi.

“Du hí thần thông...”. nói công đức hóa tha đã thành cho nên kính hỏi. Hàng phục các ma, tức hàng phục ma như trước đã giải thích. Nhưng ma là chúa của chúng sinh được giáo hóa, nếu chúa mà không có dân khách khâm phục, đâu thể quy tâm. Nay Đại sĩ đã hay hàng phục các ma ở mười phương cõi Phật, thì tất cả chúng sinh đều quy tín.

Du hí thần thông, chúa dân đã phục do đó thần thông biến hiện thành tựu chúng sinh, cõi Phật thanh tịnh công đức ấy rất rộng lớn. Tất cả hạ địa đều không thể sánh được nên có thể kính hỏi.

“Tuệ phương tiện ấy đều đã được độ) là kết hai trí rốt ráo nên có thể kính hỏi. Tuệ là kết thật, phương tiện là kết quyền, hai trí dắt dẫn các hạnh ra làm, đều rốt ráo nên nói là đã được độ.

Phần (b) Chánh vâng lời thăm bệnh “tuy nhiên... hỏi bệnh”. Ngài Văn-thù đầy đủ sự khiêm nhường. Tuy trí đức của ngài gần giống dáng vẻ của các đệ tử Phật, nhưng chỗ ra làm đều nương sức Phật. Dầu do Phật sai lại mong nhờ sức Phật gia hộ, để tránh được các lỗi lầm trệ ngại, nên nói tuân Thánh chỉ của Phật đến thăm bệnh.

Hỏi: Nếu nương nhờ sức Phật gia hộ thì các Bồ-tát trên cũng đều đến được.

Đáp: Gia hộ những ai có thể gia hộ. Ngài Văn-thù đã đủ năm nghĩa nên có thể gia hộ. Lại kinh Pháp Hoa có nói: Di-lặc và bốn chúng có điều nghi, chỉ nhờ ngài Văn-thù giải quyết, há các Bồ-tát sánh được.

Phần hai, Đại chúng cùng đến “do đó” trở xuống. Văn có hai:

- a) Chúng muốn theo đến.
- b) Văn-thù và chúng cùng đến.

Chúng muốn theo đến: Sở dĩ cùng nghĩ muốn đến, vì ngài Tịnh Danh thần trí rất khó đối đáp nên hàng Thanh văn, Bồ-tát lúc xưa không dám đương đầu. Nay ngài Văn-thù trí đức cao xa, vâng Thánh chỉ Phật tất biện luận đại pháp rất sâu kín, nên đều muốn theo đến.

Cùng đại chúng đến “Do đó... đại thành”. Vì người có cơ duyên vào thất nghe pháp tất được lợi ích, nên đều cùng vào thành.

Phần ba, Chủ khách đối đáp “bấy giờ...”. Văn lại có bốn:

- a/ Ngài Tịnh Danh hiện tướng thất trống.
- b/ Văn-thù thấy tướng biết có biểu thị.
- c/ Ngài Tịnh Danh khen ngài Văn-thù.
- d/ Văn-thù đáp lời.

Phần (a) lại có hai: Một là, Thần lực hiện thất trống. Hai là, Vì bệnh mà nằm.

- Thất trống là biểu thị muốn giúp thành giáo Phật quốc. Hiện có bệnh là muốn hiển bày ba giải thoát.

Liên dùng thần lực... thần lực là biểu thị dùng trí tuệ. Thất trống là biểu thị Phật quốc đều không, hiển bày cõi Chân tịch quang. Dẹp bỏ các thứ là biểu thị dẹp bỏ y báo. Và các thị giả là biểu thị dẹp ngoại ma, đầy đủ như ngài Tịnh Danh đáp ngài Văn-thù. Thất trống là biểu thị cho Phật quốc, có hai ý:

1. Thành việc trước.
2. Sinh cái sau.

Thành cái trước: Ở trên Phật nói Tịnh độ vì chúng sinh tội nên không thấy cõi Phật thanh tịnh, không sinh được cõi Phật, không thể thành hạnh Tịnh độ, nên nói rộng phẩm Phật Quốc để phá cho chúng sinh các tội cấu trói buộc các nghiệp bất tịnh, khiến họ thành tựu nhân Tịnh độ. Ngài Tịnh Danh vì giúp thành giáo Phật, nên làm phương tiện trái ngược, là chê trách chiết phục. Lại nhân giả bệnh vì phạm phu nói pháp. Lại muốn nhắc lại việc chê trách xưa đều vì muốn giúp thành thuyết Tịnh độ. Nay ngài Văn-thù đã đến do đó hiện ra thất trống để biểu thị cõi Phật đều không, muốn cùng ngài Văn-thù rộng luận về Phật quốc, tức là thành cái trước.

Sinh cái sau, nếu hiện thất trống là biểu thị Phật quốc đều không, ngài Văn-thù biết việc biểu thị đó bèn đến đối đáp luận nghĩa Phật quốc. Nên phẩm này được nói là Phật quốc. Lại nhân thất trống, ngài

Thân Tử vì chúng cần giường ngồi, nghỉ đến giờ ăn, chúng sẽ được thấy cõi Phật Đấng Vương, tịnh sát Hương Tích. Trong lúc đối đáp biện luận, các phẩm đều nói về nhân quả Phật quốc. Nghĩa này đã xong dùng bàn tay đưa đại chúng đến chỗ Như Lai là phát khởi việc trở về điểm chính của Như Lai mà nói rộng phẩm Bồ-tát Hạnh nói nhân quả Phật quốc và phẩm Kiến A-súc Phật, vô lượng đại chúng thấy cõi Phật ấy, nhân đây mà phát tâm tu hạnh Tịnh độ A-súc Phật, sinh vào cõi ấy đều do hiện tướng thất trống mà lập, tức là sinh cái sau.

Nay dựa theo bốn cõi mà giải thích sự biểu thị này:

- Ở cõi Đồng cư ược tịnh. Nếu biểu thị cho cõi ược, thì có tạp ược y báo và ngoại ma chánh báo. Ngài Tịnh Danh hiện ược liền biết ược tức không, muốn dùng sức trí phá trừ ược nghiệp. Nếu ược chẳng không, thì không thể phá hoại. Vì ược nghiệp là Không, nên y báo có thể dẹp bỏ, tức là dẹp trừ các thứ, phá các ngoại ma ái kiến chánh báo, tức là và các thị giả.

- Kế là biểu thị cho Đồng cư tịnh độ. Tuy không có tạp ược y báo và ngoại ma chánh báo, nhưng lại có phần đoạn thanh tịnh y báo và phần đoạn ái kiến chánh báo. Ngài Tịnh Danh hiện đời biết tịnh tức không, dùng sức trí tuệ đoạn trừ nghiệp phần đoạn Y chánh báo, nên nói là dẹp hết các thứ và các thị giả.

Sau là biểu thị cõi Hữu dư, tuy không có phần đoạn ược tịnh y Chánh, nhưng có biến dịch y báo và vô vi Chánh báo, tức là ái kiến ngoại ma kia. Nên ngài Tịnh Danh chê trách ngài Tu-bồ-đề rằng: “Đồng ở phiền não nhập vào các tà kiến.” Ngài Tịnh Danh hiện đời biết nước ấy là Không, liền dùng trí lực mà dẹp bỏ y Chánh báo, tức là dẹp bỏ các thứ và các thị giả.

Kế là căn cứ cõi Thật báo, cõi nước này tuy không có phương tiện y Chánh, nhưng lại có tự thể tinh diệu y báo và tự thể ái kiến chánh báo. Ngài Tịnh Danh ứng hiện, biết cõi nước tức không, dùng sức trí tuệ dẹp bỏ y chánh ấy, nên nói là dẹp bỏ các thứ và các thị giả.

Sau nữa là cõi Thường tịch quang rốt ráo thanh tịnh. Không cả các thứ, tức là ở chỗ cao tột nhất, không còn gì để dẹp bỏ. Nên trong Đại kinh nói: Không còn chỗ đoạn trừ, gọi là Vô thượng sĩ. Nay ngài Tịnh Danh dùng thần lực làm trong thất trống không, dẹp bỏ các thứ và các thị giả, là biểu thị quả báo rốt ráo sau, sắp vào Tịch quang. Nên kinh Trì Địa có nói: “Khi đoạn hai chướng, lia tất cả các kiến, được thanh tịnh tịnh thiên”, đây là nghĩa ấy. Nếu biểu thị cho quyền ở ba thứ trước để phương tiện lợi vật, thì đủ như trước đã giải thích. Lại nữa, có nước có

người có thị giả thì là phương tiện, nay tất cả đều dẹp bỏ, là hiển bày cái thật. Hiện tướng thất trống lược giải thích như thế. Chỉ đặt một cái giường để người bệnh nằm là hai, nói muốn hiển bày ba đức giải thoát. Giường là biểu thị cho chân tánh, bệnh là biểu thị cho phương tiện, nằm là biểu thị thật tuệ. Đây cũng có hai: Thành cái trước và sinh cái sau. Một là thành cái trước là giúp thành việc Phật nói pháp thân ba giải thoát. Vì sao? Vì ngài Tịnh Danh giúp thành Như Lai nói giải thoát bất tư nghị. Cho nên trước chê trách các đệ tử Bồ-tát, sau giả bệnh vì các phàm phu, muốn nhắc lại cái chê trách xưa để thành tựu giáo giải thoát bất tư nghị, nên không bệnh hiện có bệnh. Nay ngài Văn-thù nhận lệnh Phật vào thất thăm bệnh, việc cần phải hiện bệnh biểu tướng, để mở đầu cho việc đối đáp qua lại, nhân đây mà luận hai bệnh quyền thật của Như Lai đã nói và ngài Tịnh Danh chê trách, để giúp các điều nói trên được sáng tỏ. Hai, sinh cái sau tức là sinh sáu phẩm trong thất và hai phẩm ngoài thất. Vì sao? Vì hiện bệnh có biểu thị, khiến ngài Văn-thù hỏi bệnh quyền thật mà có phẩm này. Ngài Tịnh Danh nói rộng nên có năm phẩm sau, trở về rừng Am-la để thành giáo giải thoát bất tư nghị, tức có thêm hai phẩm Bồ-tát Hạnh và Kiến A-súc Phật, nên nói là sinh cái sau. Đến các văn sau thì nghĩa này tự sáng tỏ.

Sở dĩ chỉ đặt một cái giường để biểu thị chân tánh, kinh Pháp Hoa nói: Các pháp Không là tòa ngồi, không tức là chân tánh giải thoát. Bệnh biểu thị cho đại bi phương tiện. Đồng bệnh tức là phương tiện giải thoát. Nằm biểu thị cho thật tuệ, tức là bệnh chân báo. Nằm là tướng thân yên dừng nghỉ. Nếu thật tuệ cùng tương ứng với chân tánh, thì các hạnh lặng dừng, tâm an không động. Trí đoạn đã viên mãn, tức là thật tuệ giải thoát. Nên Đại kinh nói: Ai được ngủ an ổn đó gọi là từ bi, thường tu không phóng dật, xem chúng sinh như con một, dùng Vô duyên từ bi của chư Phật mà cứu tất cả khổ. Không làm hạnh phóng dật nói là được giấc ngủ an ổn. Như nam châm hút sắt, không duyên không niệm, tức là giấc ngủ an ổn. Như giấc ngủ của người không bệnh có bệnh. Thật tuệ cũng thế. Nếu chúng sinh không bệnh tức là pháp thân Phật tuệ không có bệnh nhân duyên, nếu chúng sinh có duyên có bệnh tức thật tuệ pháp thân đại bi ứng hiện. Như ngài Tịnh Danh ở Đồng cư cõi uế hiện có bệnh này. Tịnh độ cũng thế, cho đến cõi Hữu dư và quả báo cũng thế.

Hỏi: Bệnh là pháp duyên tập chướng ngại, sao được biểu thị cho đức giải thoát?

Đáp: Đây khác với Tạng Thông, họ cho không có phiền não sinh

tử là giải thoát. Nay bất tư nghị phương tiện giải thoát chấp nhận phiền não sinh tử, mà tự không trói buộc lại giải thoát các trói buộc. Nên Đại kinh có nói: Chư Phật, Bồ-tát tùy chỗ chúng sinh được điều phục gọi là giải thoát.

Hỏi: Kinh này nói tứ thiền làm giường tòa, sao được đem giường biểu thị cho chân tánh?

Đáp: Kinh giáo tùy duyên dùng thí dụ không nhất định, đâu nên chấp chặt. Nay giải thích biểu thị của ngài Tịnh Danh là từ không mà được châu giải luận nghiên cứu cùng tột không mất báu vật. Cũng như ở văn sau nói nhà cửa trống vắng rất ráo. Nay thấy thất trống tức là biểu thị cho các Phật quốc độ đều không.

Phần (b) “Văn-thù... một giường”, nói Văn-thù vào thất thấy tướng biết ý biểu thị. Thấy thất trống không có các thứ vật khác, tức biết biểu thị cho các cõi Phật là Không, tất muốn khai mở giúp thành giáo Phật quốc. Thấy ngài bệnh riêng nằm trên một giường liền biết biểu thị cho ba đức giải thoát, muốn hiển bày giúp thành việc Phật nói giáo giải thoát bất tư nghị. Nên Đại luận có nói: Người trí hay biết trí như rắn biết chân rắn.

Hỏi: Vì sao biết được Văn-thù thấy tướng liền biết ý biểu thị?

Đáp: Ngài Tịnh Danh khen: “Ngài mới đến; không thấy tướng mà thấy....” không thấy tướng tức là bốn bất khả thuyết. Không thấy tướng Y Chánh mà thấy là hiện tướng biểu thị cho thân, biểu thị cho cõi nước. Nếu không như thế, thì Văn-thù là bậc dưới sao được thăm bệnh liền hỏi thất trống, nhân đó mà đối đáp qua lại. Lại, ngài Văn-thù còn biết Như Lai sắp nói kinh Pháp Hoa đã hiện tướng báo hiệu, đâu thể không biết việc hiện tướng biểu thị của ngài Tịnh Danh. Nếu không biết, thì đâu được lãnh chỉ đến thăm bệnh.

Phần (c) Ngài Tịnh Danh khen ngợi “lúc đó ngài Duy-ma-cật...”. Sở dĩ khen ngợi vì ngài Tịnh Danh biết ngài Văn-thù đã đủ năm nghĩa, nay đến thăm bệnh tất hay hiển bày giáo giải thoát bất tư nghị của nhân quả Phật quốc để giúp thành việc Pháp vương nói rộng lợi ích cho những kẻ có duyên, nên khen ngợi là khéo đến. Văn có hai: Chánh khen và Giải thích khen.

Chánh khen, đối việc không phải khéo đến mà khen là khéo đến. Nếu các phạm phu đệ tử Bồ-tát không đủ năm nghĩa thì không thể hiển bày giáo giải thoát bất tư nghị của Tịnh độ nhân quả, rộng lợi ích quần sinh, nên không phải là khéo đến. Nay ngược lại ngài Văn-thù hay giúp thành Đại giáo cho Pháp vương, tạo nhiều lợi ích, nên gọi là khéo đến.

Còn các người khác không phải khéo đến lược có bảy thứ:

1. Các vua dân đều có duyên phước, tuy nhờ nói pháp mà trừ bỏ các kiết hoặc, nhưng chưa thật làm hưng thịnh đại pháp.

2. Các đệ tử Thiên chân đoạn kiết, không có tâm đại bi, không cầu quả Diệu giác, không hay dẫn dắt mọi người ra khỏi nhà lửa. Tuy từ nhân đến Hữu dư Niết-bàn, nhưng lại nhập vào hồi đoạn, không phải là chân Niết-bàn, đâu thể gọi là khéo đến.

3. Các Bồ-tát của Tam tạng giáo tuy cầu Phật quả nhưng các phục kiết chưa đoạn, tâm không thanh tịnh, lại chỉ cầu Phật quả ở đạo thọ rồi nhập Niết-bàn. Chỗ cầu không phải cần thật quán chuyển tâm, đâu gọi là khéo đến.

4. Bồ-tát của Thông giáo thiên chân đoạn kiết, tuy có từ bi, nhưng trọn cầu vô dư vô thường Phật quả, cần chuyển tâm quán, đâu gọi là khéo đến.

5. Bồ-tát của Biệt giáo, tuy cầu thường quả, nhưng không thể viên quán pháp giới, thứ lớp mà đoạn các hoặc nội ngoại giới, rồi vào Thập địa, cũng cần chuyển tâm quán, đâu gọi là khéo đến.

6. Hàng sơ tâm và trung tâm của viên giáo, tuy thấy trung Vô duyên đại từ khắp che tất cả, không trụ vào các Địa, nhưng trí đức còn cạn, không sức ngang bằng, đâu gọi là khéo đến.

7. Hàng hậu tâm Viên giáo, bốn tích tuy ngang hàng, nhưng không cùng người có duyên thăm bệnh, nên không thể cùng hiển bày, đâu gọi là khéo đến.

Sở dĩ Thanh văn, Bồ-tát đâu không kham lãnh lệnh là do có những “Không khéo đến” như thế. Nay Văn-thù là Đạo sĩ Viên giáo, Bốn tích ngang bằng biết cùng thời chúng có duyên gõ đập, nên dắt đại chúng như voi chúa kéo bầy cùng vào thất, tuyên chỉ thăm bệnh, ắt vì thời chúng khiến nhập vào bất tư nghị thấy Tịnh độ, sinh Tịnh sát, thành tịnh hạnh mà làm duyên lành, nên đến thăm bệnh là thật khéo đến. Ngài Tịnh Danh nêu gương có ích, nên khen ngợi là khéo đến.

Giải thích khen: “tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy”. Có thầy nói tướng không đến là chân đế, có đến là Tục đế, nên nói Tướng không đến mà đến. Nếu thế phải khen Nhị thừa. Lại có thầy nói pháp thân không tướng đến, Ứng thân có đến, nên nói tướng không đến mà đến. Nếu thế, ngài Tịnh Danh cần khen các Bồ-tát. Lại có thầy nói: Nếu đến là đến mà đến, tức là tự tánh đến. Nếu đến là Không đến mà đến, tức là giả đến. Giả đến thì không phải đến, tức là tướng không đến mà đến. Nay nói là đến, mà đến là tự tánh, thì đến là Không đến

mà đến, tức tha tánh đến, đầu thể được khen. Nay nói nếu do tướng đến mà đến, thì không phải là khéo đến. Nay Văn-thù do tướng không đến mà đến, nên khen là khéo đến. Vì sao? nếu các phàm phu đều có ái kiến, nay chấp tướng này mà đến. Nếu các Thánh nghe nói phá Giả vào chân mà đến, thì đây là con đường quanh co chấp tướng thiên chân mà đến. Bồ-tát của Tam tạng giáo phục kết mà đến, chưa đoạn chấp tướng. Bồ-tát của Thông giáo từ thể giả thấy chân vào kiến đạo cho đến nhập vào vị Bồ-tát mà đến. Đây là chấp tướng hai đế mà đến. Đây là nương vào tướng ba đế mà đến. Đây đều là Không phải tướng không đến mà đến. Nếu người Viên giáo biết bốn bất khả thuyết, tức không thấy tất cả tướng mà hay quán Trung đạo, Vô duyên đại từ hóa độ pháp giới chúng sinh đồng đến cõi Tịnh quang, ấy là Tướng không đến mà đến. Đây là hợp với chương Như Lai sai nói nghĩa Tịnh độ, cũng khen là đúng hoài bảo của ngài Tịnh Danh. Nhưng các bậc Sơ trung hậu tâm Viên giáo, cùng với thời chúng này không có duyên về thăm bệnh, đâu dám tuân lệnh Phật đến thăm bệnh. Vì thiếu nghĩa này, nên ngài Tịnh Danh không khen. Nay ngài Văn-thù từ Sơ phát tâm biết bốn bất khả thuyết, không có tướng tự hành hóa tha quyền thật mà đến, nên nói tướng không đến, song hay đạo quán song lưu mà quyền mà thật tự hành hóa tha mà đến, ngang bằng đức bốn tích của ngài Tịnh Danh, nên nói mà đến. Lại biết thời chúng là bốn bất khả thuyết, nay có nhân duyên nên thấy cơ duyên có thể nói mà đến, nên sắp lành bệnh mà vào, để nghe nói về cõi Phật thanh tịnh giải thoát bất tư nghị đều được lợi ích lớn, nên giải thích nói tướng không đến mà đến.

Về tướng không thấy mà thấy, cũng là giải thích khen khéo đến. Vì ngài Văn-thù với tướng không đến mà đến vào thất, vì tướng không thấy mà thấy thất trống và do bệnh mà nằm đều biết là có ý biểu thị thì theo tướng xứng hợp do đó mà khen. Nói tướng không thấy mà thấy, vì đối với tướng thấy mà thấy, thì không phải là khéo đến. Vì sao? Vì nếu các phàm phu dùng nhục nhãn, Thiên nhãn để thấy các tướng thô tế, hàng Thanh văn chỉ có ba thứ nhãn, nhục nhãn, Thiên nhãn việc thấy giống như trước, còn tuệ nhãn là thấy chân, tức là thấy tướng hai đế. Bồ-tát của Tam tạng giáo vì chưa đoạn kiến nên không thấy chân đế, chỉ có nhục nhãn và Thiên nhãn dùng để thấy tướng thô tế của Thế đế. Bồ-tát của Thông giáo cũng chỉ có ba loại nhãn chỉ thấy tướng huyễn hóa của hai đế. Bồ-tát của Biệt giáo có bốn loại nhãn, ba thứ nhãn trước, riêng pháp nhãn thì thấy lý hằng sa Phật pháp vô lượng Tứ đế của nội ngoại giới thì đều là tướng thấy mà thấy. Nếu Bồ-tát ở Viên giáo, trụ ở

vị thập tín, tuy có nhục nhãn gọi là Phật nhãn, tướng tợ viên thấy pháp giới, tướng hoặc pháp giới chưa trừ hết, còn gọi là kiến. Nếu nhập vào sơ phát tâm trụ mà phát chân vô lậu, tức là năm nhãn đều mở cả. Tuy được năm nhãn biết bốn bất khả thuyết, không thấy có ba nhóm chúng sinh, tức là tướng không thấy mà thấy cả pháp giới, đây là tướng không thấy mà thấy. Cho đến diệu giác cũng như thế. Nay ngài Văn-thù có bốn tích năm nhãn ngang hàng ngài Tịnh Danh. Ngài Tịnh Danh không phải tướng mà hiện tướng để biểu thị, ngài Văn-thù do tướng không thấy mà thấy chỗ biểu thị. Ý này cùng với ngài Tịnh Danh ngầm hợp nên khen ngợi.

Hỏi: Đến và thấy có gì khác?

Đáp: Đến là ba trí, thấy là năm nhãn. Pháp Hoa nói: Vì khiến chúng sinh khai Phật tri kiến. Lại nói: tri kiến của Như Lai rộng lớn vô lượng, tức là nghĩa này. Lại nữa, Bồ-tát của Viên giáo từ Phát tâm trụ biết bốn bất khả thuyết, được một tâm ba quán, ba trí năm nhãn, từ quả nhìn nhân, tâm luôn vắng lặng tự nhiên lưu nhập vào biển lớn diệu giác. Nên nói tướng không đến mà đến. Năm nhãn chuyển sáng, khi đến quả vị thì thấy cả pháp giới, nên nói tướng không thấy mà thấy.

Phần (d) Ngài Văn-thù ẩn khả kể thành “Văn-thù...” . Như thế Cư sĩ, trước Cư sĩ đã khen là khéo đến, nay Văn-thù cũng ẩn khả như thế. Đây có hai:

- 1) Văn-thù hiểu ý đáp đúng.
- 2) Giải thích kể thành.

Văn-thù nói nhưng thế cư sĩ, đây là chánh ẩn khả. Nếu đến rồi lại không đến tức là nói thành. Câu đầu, đây là nói thành việc khéo đến đối với không phải khéo đến. Vì sao? Vì năm người trước do tướng mà đến, cho nên đến rồi có thể lại đến. Như phàm phu ngoại đạo tu thiên đến Phi tướng rồi trở lại đọa vào tam đồ luân hồi lên xuống. Như Nhị thừa ra khỏi ba cõi hơn ba trăm do-tuần, tức ở tại hóa thành, nếu dẹp mất hóa thành lại về bảo sở. Bồ-tát của Tam tạng giáo, muốn cầu Phật quả hành lục độ mà đến không tới quả diệu giác, nếu nghe quán của Thông giáo, từ quán vô sinh mà đến. Bồ-tát Thông giáo đến cầu Phật địa, nếu nghe quán cải tâm của Biệt giáo, từ biệt quán mà đến. Nếu Bồ-tát Biệt giáo tu ba quán Biệt Tướng đến cầu quả Diệu giác, thì cũng còn là đường quanh co. Nếu nghe cải tâm cải quán của Viên giáo rồi từ Viên giáo mà đến. Đây đều là đến rồi lại đến. Nay Bồ-tát Viên giáo ngồi xe không hẹp hòi trọn không ở giữa đường mà đổi tâm quán, tức là kim sa đại hà đi thẳng vào Tây hải, nên là đến rồi không đến nữa.

Lại còn, sơ tâm và trung tâm Viên giáo tuy từ đường thẳng mà đến, không cần thay đổi tâm quán. Nhưng chưa tới quả, cũng có nghĩa đến. Các ngài Văn-thù và Tịnh Danh đều đã đến cực địa, tất không lại đến nữa, nên nói nếu đến rồi lại không đến nữa. Đây là kể thành việc giải thích khen khéo đến, là tướng không đến mà đến. Nếu đi rồi lại không đi nữa. Đây là nhắc lại để thành nghĩa đến. Cũng ước vào năm người, tuy đi dùng tướng mà đi chẳng phải là khéo đi. Đây là đi rồi cũng còn lại đi. Nếu nương vào Viên giáo phát tâm chánh quán Trung đạo, một đi thì không có lý đổi tâm thay quán lại đi, nên nói nếu đi rồi lại không đi. Đây là cách nói thứ hai, là nghĩa khác của nhất thể đổi tên mà thôi. Nếu ở quả trông vào nhân tức là từ nhân mà đến, cho nên nói Phật từ đường lớn trí độ mà đến. Dem nhân nhìn thấy quả tức là nghĩa đi, nên Đại phẩm có nói: Thừa này từ trong ba cõi thoát ra, đến ở trong Tát-bà-nhã. Lại Đại luận nói: Các Thánh đến như thế, Phật cũng đến như thế. Các Thánh đi như thế Phật cũng đi như thế. Như ngài Văn-thù vào thất trống của ngài Tịnh Danh thì gọi là đến, lãnh lệnh Phật thăm bệnh gọi là đi. Văn-thù vì ngài Tịnh Danh nói mà đến, nên lại dùng nghĩa đi mà kể thành. Văn-thù nói chỗ có thể thấy lại không thể thấy. Đây là nói tướng không thấy mà thấy. Không thể thấy mà thấy, là thất trống hiện có bình để biểu thị cho quả của y chánh. Nếu biểu thị ngoài hạng người này thì lại không có Tịnh độ và pháp thân có thể thấy. Lời này thành nghĩa cõi Phật. Nếu dẫn việc chúng sinh đến vào thấy Tịnh độ và pháp thân thì ngoài hạng người này ra lại không thể thấy. Cho nên nói cái có thể thấy lại không thể thấy. Lại nữa, như người đời dùng nhục nhãn thấy sắc thô mà không thấy sắc tế thì không phải thấy rốt ráo. Nếu lại tu Thiên nhãn khiến thấy được sắc tế. Tuy thấy sắc tế mà không thể thấy chân. Nếu hàng Nhị thừa và Bồ-tát Thông giáo tu được Tuệ nhãn thì liền thấy chân. Tuy lại thấy chân nhưng không thấy được bệnh và thuốc. Bồ-tát Biệt giáo tiến tu pháp nhãn, thì thấy được pháp sai biệt. Tuy thấy sai biệt, nhưng không thể thấy trọn được ba đế. Tất cả pháp nhập vào một pháp, một pháp đầy đủ tất cả pháp. Bồ-tát Viên giáo nếu được Phật nhãn thì thấy cả pháp giới cùng tận cội nguồn cũng như hư không. Nếu ngoài Phật nhãn lại không thể thấy. Nên nói chỗ có thể thấy lại không thể thấy.

- Nói Văn-thù giải thích kể thành “Sở dĩ giả hà... Cánh bất khả kiến”. Sở dĩ nói: “Đến không từ đâu đến.” Đây là giải thích: Nếu đến rồi lại không đến, bốn bất khả thuyết tức là bình đẳng pháp giới. Chư Phật không làm gì cả, đây là tướng không đến. Ước đây nói đến tức là

Không từ đâu đến. Nói thành việc không đến mà đến. Đi không chỗ đến, là bốn bất khả thuyết tức bình đẳng chân pháp giới. Chư Phật không đến đâu cả, nên nói là đi không chỗ đến. Lập lại thành tướng không đến mà đến, đến không chỗ đến. Chỗ có thể thấy lại không thể thấy, là bốn bất khả thuyết, trong bình đẳng chân pháp giới không có chỗ có thể thấy mà nói là thấy. Phật nhãn thấy cùng tột lại không thể thấy, tức là giải thích việc trên, nói thành tướng không thể thấy mà thấy.

